

CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH NEWVIETPOST
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH
NEWVIETPOST

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEWVIETPOST POST JOINT STOCK
COMPANY

Tên công ty viết tắt: NEWVIETPOST JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110387938

3. Ngày thành lập: 15/06/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 32 ngõ 1 đường Phạm Văn Đồng, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0815135555

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
3.	Bán buôn thực phẩm	4632
4.	Bán buôn đồ uống (Trừ kinh doanh rượu)	4633
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
6.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.	4659
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu các hàng hóa công ty kinh doanh	8299
12.	Cho thuê xe có động cơ	7710
13.	Bán buôn tổng hợp (Trừ nhưng loại pháp luật cấm)	4690
14.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
15.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
16.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
17.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ kinh doanh rượu)	4723
18.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
19.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định	4922
20.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
21.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.	4932
22.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
23.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác	5210
24.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ	5224
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không)	5229
26.	Bưu chính Chi tiết: Dịch vụ bưu chính	5310
27.	Chuyển phát	5320(Chính)
28.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
29.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
30.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
31.	Đại lý du lịch	7911

32.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế.	7912
33.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
34.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
35.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
36.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
37.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
38.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 2.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 250.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ HÒA	Số 109 Nhà B3 Tổ 4, ngõ 199/10 Đường Trần Quốc Hoàn, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	20,000	035177000177	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	20,000		

2	VŨ CHÍ CÔNG	Số 109 Nhà B3 Tổ 4, ngõ 199/10 Đường Trần Quốc Hoàn, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	162.500	1.625.000.000	65,000	0350770001 50	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	162.500	1.625.000.000	65,000		
3	VŨ HƯƠNG GIANG	Số 109 Nhà B3 Tổ 4, ngõ 199/10 Đường Trần Quốc Hoàn, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	37.500	375.000.000	15,000	0353040002 43	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	37.500	375.000.000	15,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ CHÍ CÔNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *30/10/1977*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *035077000150*

Ngày cấp: *04/05/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 109 Nhà B3 Tổ 4, ngõ 199/10 Đường Trần Quốc Hoàn, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 109 Nhà B3 Tổ 4, ngõ 199/10 Đường Trần Quốc Hoàn, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*